ĐỀ 01	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

Họ và tên: ..... Lớp: ..... Điểm: .....

I. ĐỌC VĂN BẢN SAU

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

– Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

– Sao áo của mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

– Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

– Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

(Trích truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa", Thạch Lam, 1937)

II. TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Chị Lan gọi ai đến chơi?

A. Hiên B. Duyên

C. Sơn D. Xuân

Câu 2. Lúc được gọi, Hiên đang đứng ở đâu?

A. Dưới gốc cây B. Bên cột quán

C. Ở cổng trường D. Giữa cánh đồng

Câu 3. Chiếc áo Hiên đang mặc được miêu tả như thế nào?

A. Áo len mới B. Áo bông dày

C. Áo rách tả tơi D. Áo đồng phục sạch sẽ

Câu 4. Vì sao mẹ Hiên không có tiền sắm áo cho con?

A. Vì mẹ Hiên đi xa B. Vì gia đình Hiên nghèo

C. Vì Hiên không thích áo mới
D. Vì thời tiết chưa lạnh

Câu 5. Sơn đã đề nghị chị Lan việc gì?

A. Đưa Hiên đi chơi
B. Mua quà cho Duyên
C. Tặng Hiên một quyển sách
D. Đem cho Hiên chiếc áo bông cũ

Câu 6. Khi đứng đợi chị Lan lấy áo, Sơn cảm thấy thế nào?

A. Ấm áp, vui vui
B. Giận dữ
C. Thờ ơ
D. Sợ hãi

Câu 7. Đọc các nhận định và đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S).

Nhận định	Đúng	Sai
a) Chị Lan chủ động gọi Hiên đến chơi.	☐	☐
b) Hiên có nhiều áo lành để thay.	☐	☐
c) Mẹ Hiên làm nghề mò cua bắt ốc.	☐	☐
d) Chị Lan từ chối đề nghị tặng áo của Sơn.	☐	☐

Câu 8. Nối mỗi từ ở cột A với cách giải nghĩa phù hợp ở cột B.

Cột A	Cột B
1. co ro	a. Hào hứng, sốt sắng
2. bịu xịu	b. Thu mình lại vì lạnh
3. hăm hở	c. Có vẻ mặt buồn, không vui

Câu 9. Trong câu "Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ", từ "nó" chỉ ai?

A. Sơn
B. Hiên
C. Lan
D. Duyên

Câu 10. Từ "ấm áp" trong cụm "trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui" được dùng theo nghĩa nào?

A. Nghĩa gốc: nhiệt độ cao
B. Nghĩa chuyển: cảm giác được sưởi ấm bởi tình thương
C. Chỉ màu sắc của áo
D. Chỉ độ nóng của đồ ăn

Câu 11. Từ nào gần nghĩa nhất với "hăm hở"?

A. Lưỡng lự
B. Buồn bã
C. Háo hức
D. Thờ ơ

Câu 12. Cụm từ "động lòng thương" thể hiện điều gì ở Sơn?

A. Lòng thương xót người gặp khó khăn
B. Ý muốn chê bai bạn
C. Sự ganh tị
D. Sự bực bội

Câu 13. Tìm hai động từ trong câu: "Chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo."

.....

.....

Câu 14. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu: "Sơn đứng lặng yên đợi."

.....

.....

Câu 15. Trong lời nói của Sơn, đại từ "chúng ta" chỉ những ai?

.....

.....

Câu 16. Em hãy viết 3–4 câu kể một việc em có thể làm để giúp đỡ một bạn gặp khó khăn.

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 02	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

I. ĐỌC VĂN BẢN SAU

THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

Các em học sinh,

Hôm nay là ngày khai giảng đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi đã tưởng tượng thấy trước mắt cái cảnh nhộn nhịp tưng bừng ở khắp các nơi. Các em đều hết thảy vui vẻ vì sau mấy tháng giời nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các em lại được gặp thầy gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này giở đi, các em được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. Các em được nhận sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao đồng bào các em. Vậy các em nghĩ sao?

Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, nghe thầy, yêu bạn. Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều.

Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em. Ngày hôm nay, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

(Trích "Thư gửi các học sinh", Hồ Chí Minh, 1945)

II. TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Ai là người viết bức thư này?

A. Một thầy giáo
B. Hồ Chí Minh
C. Một học sinh
D. Một phụ huynh

Câu 2. Bức thư được viết nhân dịp nào?

A. Ngày Quốc tế Thiếu nhi
B. Tết Trung thu
C. Ngày khai giảng đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
D. Ngày tổng kết năm học

Câu 3. Sau mấy tháng nghỉ học, học sinh vui vì được làm gì?

A. Gặp lại thầy và bạn
B. Được nghỉ thêm
C. Đi tham quan xa
D. Được nhận quà

Câu 4. Theo bức thư, học sinh được nhận nền giáo dục như thế nào?

A. Hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài
B. Chỉ dành cho người lớn
C. Không cần đến trường
D. Hoàn toàn Việt Nam

Câu 5. Người viết khuyên học sinh điều gì trong năm học mới?

A. Chỉ chơi thể thao
B. Cố gắng học tập, nghe thầy, yêu bạn
C. Nghỉ học sớm
D. Chỉ quan tâm đến thành tích cá nhân

Câu 6. Theo bức thư, tương lai đất nước trông đợi vào điều gì ở học sinh?

A. Sự giàu có của gia đình
B. Những món quà
C. Công học tập của các em
D. Số ngày nghỉ học

Câu 7. Đọc các nhận định và đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S).

Nhận định	Đúng	Sai
a) Người viết hình dung ngày tựu trường rất nhộn nhịp.	☐	☐
b) Học sinh trong thư chỉ được yêu cầu học giỏi, không cần yêu bạn.	☐	☐
c) Người viết đặt niềm tin vào thế hệ học sinh.	☐	☐
d) Cuối bức thư, người viết chúc học sinh có một năm vui vẻ, đạt kết quả tốt.	☐	☐

Câu 8. Nối mỗi từ ở cột A với cách giải nghĩa phù hợp ở cột B.

Cột A	Cột B
1. tưng bừng	a. Chăm chỉ, chịu khó
2. siêng năng	b. Sự nghiệp, nền tảng lớn của đất nước
3. cơ đồ	c. Không khí vui vẻ, rộn ràng

Câu 9. Đại từ "tôi" trong bức thư dùng để chỉ ai?

A. Các bạn học sinh
B. Các thầy cô giáo
C. Hồ Chí Minh
D. Những người bạn

Câu 10. Từ nào trái nghĩa với "siêng năng"?

A. Chăm chỉ
B. Lười biếng
C. Cần cù
D. Chịu khó

Câu 11. Từ "tươi đẹp" trong cụm "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp..." thuộc từ loại nào?

A. Danh từ
B. Động từ
C. Đại từ
D. Tính từ

Câu 12. Trong cụm từ "công học tập của các em", từ "học tập" thuộc từ loại nào?

A. Động từ
B. Tính từ
C. Đại từ
D. Quan hệ từ

Câu 13. Chép lại hai động từ chỉ hoạt động học tập, cư xử trong lời dặn: "cố gắng, siêng năng học tập, nghe thầy, yêu bạn".

.....

.....

Câu 14. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu: "Các em lại được gặp thầy gặp bạn."

.....

.....

Câu 15. Từ "non sông" trong bức thư có thể thay bằng từ nào gần nghĩa?

.....

.....

Câu 16. Viết 3–4 câu nêu những việc em sẽ làm để thực hiện lời căn dặn trong bức thư.

.....

.....

.....

.....

TỦ SÁCH DƯỚI MÁI HIÊN

Ngày đầu tháng Mười, sau một cơn mưa rào, Vy đi qua hành lang lớp học và nhìn thấy chiếc thùng giấy đựng sách bị nước mưa tạt ướt. Đó là những cuốn truyện các bạn góp lại để làm góc đọc chung. Vài trang sách đã dính vào nhau, bìa một số cuốn bắt đầu cong lên. Vy lo lắng vì mỗi cuốn sách đều là món quà quý.

Vy kéo thùng vào chỗ khô dưới mái hiên. Minh đang trực nhật nhìn thấy liền chạy đến giúp. Hai bạn dùng khăn mềm thấm nước trên bìa, nhẹ nhàng tách những trang sách còn ẩm và xếp sách lên bàn cho thoáng. Minh định mang sách ra nắng, nhưng Vy ngăn lại vì sợ nắng gắt làm giấy cong thêm. Họ kiên nhẫn chăm chút từng cuốn sách cho đến cuối buổi.

Hôm sau, cô Hạnh biết chuyện. Cô khen hai bạn biết giữ gìn của chung và gợi ý cả lớp làm một góc đọc sách an toàn. Các bạn tận dụng chiếc kệ gỗ cũ, đặt ở nơi khô ráo, dán nhãn từng ngăn và phân công người trực. Quỳnh nhận làm thẻ mượn sách. Từ đó, cứ chiều thứ Sáu, các bạn lại đổi truyện cho nhau.

Một buổi chiều, em nhỏ lớp Ba ghé góc đọc, rụt rè xin mượn một cuốn truyện. Vy vui vẻ hướng dẫn em ghi tên vào thẻ. Nhìn em say sưa đọc sách, Vy thấy ấm lòng. Bạn hiểu rằng từ một việc nhỏ, lòng tốt có thể nảy mầm và lan xa.

A. ĐỌC HIỂU (Câu 1–9)

Câu 1. Vy nhìn thấy thùng sách bị ướt ở đâu?

A. Trong phòng thư viện
B. Ở hành lang lớp học
C. Dưới gốc phượng
D. Ngoài cổng trường

Câu 2. Vì sao thùng sách bị ướt?

A. Do nước mưa tạt vào
B. Do có bạn làm đổ nước
C. Do người trực nhật rửa thùng
D. Do sách bị rơi xuống ao

Câu 3. Hai bạn đã làm gì để cứu những cuốn sách?

A. Đem sách phơi ngay dưới nắng gắt
B. Mang sách về nhà cất
C. Lau nhẹ và xếp sách ở chỗ thoáng
D. Bỏ những cuốn sách bị ướt

Câu 4. Cô Hạnh gợi ý cả lớp làm gì?

A. Gói sách lại, không cho mượn
B. Làm một góc đọc sách an toàn
C. Chỉ đọc sách vào buổi sáng
D. Thay toàn bộ sách cũ

Câu 5. Ý nghĩa chính của câu chuyện là gì?

A. Sách mới luôn hay hơn sách cũ
B. Chỉ người lớn mới biết giữ sách
C. Muốn đọc sách phải mua thật nhiều
D. Việc nhỏ có trách nhiệm mang lại điều tốt đẹp

Câu 6. Đánh dấu Đ (đúng) hoặc S (sai) vào từng nhận định:

Nhận định	Đ/S
a) Những cuốn truyện trong thùng do các bạn góp lại.	.....
b) Minh từ chối giúp Vy cứu sách.	.....
c) Vy không muốn đem sách phơi dưới nắng gắt.	.....
d) Cả lớp mua một chiếc kệ mới đắt tiền.	.....

Câu 7. Nối đoạn văn với nội dung chính phù hợp:

Cột A	Cột B (nội dung được xếp không theo thứ tự)
1. Đoạn 1 →	A. Cả lớp làm góc đọc sách
2. Đoạn 2 →	B. Phát hiện sách bị ướt
3. Đoạn 3 →	C. Hai bạn chăm sóc những cuốn sách

Câu 8. Vì sao Vy ngăn Minh mang sách ra nắng gắt?

.....

.....

Câu 9. Em học được điều gì từ việc làm của Vy và các bạn?

.....

.....

B. LUYỆN TỪ VÀ CÂU (Câu 10–16)

Câu 10. Từ nào là đại từ xưng hô trong câu "Chúng em thường đổi sách vào thứ Sáu."?

A. thường
B. thứ Sáu
C. chúng em
D. sách

Câu 11. Từ nào gần nghĩa nhất với từ "giữ gìn"?

A. Bảo quản
B. Phá hỏng
C. Vứt bỏ
D. Lãng quên

Câu 12. Trong câu "Lòng tốt có thể nảy mầm và lan xa", cụm từ "nảy mầm" được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Giải thích ngắn gọn.

.....

Câu 13. Xác định chủ ngữ và vị ngữ của câu: "Hai bạn nhẹ nhàng xếp những cuốn sách lên bàn."

.....

Câu 14. Tìm trạng ngữ chỉ nguyên nhân trong câu: "Vì trời mưa, Vy kéo thùng sách vào mái hiên."

.....

Câu 15. Đặt một câu có đại từ xưng hô "chúng tôi" nói về hoạt động đọc sách.

.....

.....

Câu 16. Viết lại hai câu sau để tránh lặp từ "Vy": "Vy tìm một chiếc khăn. Vy cùng Minh lau sách."

.....

.....

ĐỀ 04	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

HẠT MUỐI VÀ NẮNG BIỂN

Khi mặt trời vừa nhô khỏi biển, cánh đồng muối đã sáng lấp lánh. Từng ô ruộng vuông vức nằm cạnh nhau như những tấm gương lớn. An theo mẹ ra đồng từ sớm. Gió biển thổi mát rượi, nhưng mẹ bảo chỉ một lát nữa, nắng sẽ rất gắt. Trên ruộng, những hạt muối trắng bắt đầu hiện rõ khi nước biển bốc hơi.

Mẹ dùng chiếc cào gỗ gom muối thành từng đống nhỏ. An phụ mẹ mang rổ và nhặt những chiếc lá khô bị gió cuốn vào ruộng. Thấy trán mẹ lấm tấm mồ hôi, An hỏi: "Mẹ có mệt không ạ?". Mẹ mỉm cười: "Nghề nào cũng cần chăm chỉ, con ạ. Hạt muối nhỏ nhưng chứa biết bao công sức". An nhìn đôi bàn tay rám nắng của mẹ và lặng im suy nghĩ.

Gần trưa, mây đen bỗng kéo tới. Những người làm muối vội thu gom các đống muối và kéo bạt che lại. An chạy nhanh mang thêm dây buộc. Chỉ ít phút sau, mưa rơi lộp bộp trên tấm bạt. Mọi người thở phào vì số muối vừa thu hoạch đã được giữ khô. Bác Tư nói vui: "Muối thì mặn, nhưng tình người ở đây thật ngọt!".

Trên đường về, An thấy chiếc rổ không còn nặng như buổi sáng. Em đã hiểu vì sao mẹ nâng niu từng hạt muối: đó không chỉ là sản phẩm của nắng và biển mà còn là thành quả lao động bền bỉ của bao người.

A. ĐỌC HIỂU (Câu 1–9)

Câu 1. An theo mẹ đi đâu vào buổi sáng?

A. Đến chợ cá
B. Ra cánh đồng muối
C. Vào rừng trồng cây
D. Đến trường học

Câu 2. Muối dần hiện ra trên ruộng khi nào?

A. Khi nước biển bốc hơi
B. Khi trời bắt đầu mưa
C. Khi nước biển đóng băng
D. Khi có sóng lớn

Câu 3. An giúp mẹ công việc nào?

A. Sửa chiếc cào gỗ
B. Chở muối bằng xe tải
C. Mang rổ và nhặt lá khô
D. Đưa muối vào cửa hàng

Câu 4. Khi mây đen kéo tới, mọi người đã làm gì?

A. Tiếp tục phơi muối
B. Ra biển bơi
C. Trở về nhà ngay
D. Gom muối và kéo bạt che

Câu 5. Qua bài đọc, phẩm chất nào của người làm muối được nhấn mạnh?

A. Cần cù, biết giúp đỡ nhau
B. Thích du lịch xa
C. Ngại làm việc ngoài trời
D. Chỉ quan tâm đến bản thân

Câu 6. Đánh dấu Đ (đúng) hoặc S (sai):

Nhận định	Đ/S
a) Cánh đồng muối nằm gần biển.	.....
b) Mẹ An dùng cào gỗ gom muối.	.....
c) An đứng nhìn và không giúp ai việc gì.	.....
d) Mọi người để muối bị ướt trong mưa.	.....

Câu 7. Nối các đoạn với nội dung phù hợp:

Cột A	Cột B (nội dung được xếp không theo thứ tự)
1. Đoạn 1 →	A. Mọi người hợp sức bảo vệ muối trước cơn mưa
2. Đoạn 2 →	B. Cánh đồng muối vào buổi sớm
3. Đoạn 3 →	C. Mẹ con An cùng lao động

Câu 8. Vì sao An hiểu mẹ luôn nâng niu từng hạt muối?

.....
.....

Câu 9. Em có thể làm việc gì để thể hiện sự trân trọng người lao động?

.....
.....

B. LUYỆN TỪ VÀ CÂU (Câu 10–16)

Câu 10. Trong câu "Họ nhanh chóng kéo bạt che muối", từ "họ" dùng để chỉ ai?

A. Các bạn học sinh
B. Những người làm muối
C. Khách đi biển
D. Những người bán cá

Câu 11. Từ nào sau đây là từ chỉ đặc điểm?

A. Lấp lánh
B. Mang

C. Cào D. Gom

Câu 12. Từ trái nghĩa với "cần cù" là từ nào?

A. Siêng năng B. Chăm chỉ

C. Lười biếng D. Kiên trì

Câu 13. Trong lời nói "tình người ở đây thật ngọt", từ "ngọt" được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Vì sao?

.....

Câu 14. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu: "Những người làm muối vội kéo bạt che các đống muối."

.....

Câu 15. Đặt một câu có từ "lấp lánh" để tả cảnh thiên nhiên.

.....

.....

Câu 16. Thay từ ngữ lặp lại trong hai câu sau bằng đại từ phù hợp: "An mang thêm dây buộc. An giúp mọi người che muối."

.....

.....

ĐỀ 05	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

LỜI NÓI THẬT CỦA HUY

Sáng thứ Hai, lớp 5A trang trí hành lang để đón ngày hội đọc sách. Huy được giao chuyển mấy chậu hoa nhỏ ra trước cửa lớp. Vì muốn làm nhanh, cậu bê hai chậu cùng lúc. Bất ngờ, một chậu tuột khỏi tay và rơi xuống nền gạch. Tiếng "choang" vang lên. Chiếc chậu vỡ, đất văng ra khắp nơi, còn cây hoa thì nghiêng ngả.

Huy đứng lặng. Cậu sợ cô giáo trách và nghĩ đến chuyện nói rằng gió làm đổ chậu. Phương, bạn cùng tổ, bước tới. Bạn không quở trách mà nhẹ nhàng bảo: "Mình sẽ giúp cậu dọn dẹp. Nhưng chúng ta nên nói thật với cô". Nghe vậy, Huy lấy chổi và đồ hót rác để gom những mảnh vỡ, rồi cùng Phương vun lại đất quanh gốc cây.

Khi cô Lan đến, Huy chủ động kể rõ chuyện mình đã làm. Cô lắng nghe, nhắc cậu cẩn thận hơn và hướng dẫn cả tổ chuyển cây sang một chiếc chậu cũ còn dùng tốt. Cô nói: "Ai cũng có thể mắc lỗi. Điều đáng quý là biết nhận lỗi và sửa lỗi". Huy cảm thấy nhẹ nhõm. Cậu tự tay quét sạch nền và cảm ơn Phương.

Đến ngày hội đọc sách, chậu hoa đã đứng ngay ngắn bên kệ truyện. Huy nhìn những bông hoa rung rinh trong gió mà mỉm cười. Cậu hiểu rằng một lời nói thật có thể khiến người ta lo lúc đầu, nhưng đem lại sự thanh thản về sau.

A. ĐỌC HIỂU (Câu 1–9)

Câu 1. Lớp 5A đang chuẩn bị cho hoạt động nào?

A. Hội khỏe Phù Đổng
B. Lễ khai giảng
C. Ngày hội đọc sách
D. Buổi dã ngoại

Câu 2. Vì sao Huy làm rơi chậu hoa?

A. Vì cậu bê hai chậu cùng lúc cho nhanh
B. Vì có bạn đẩy Huy
C. Vì gió thổi đổ chậu
D. Vì chậu đã bị nứt từ trước

Câu 3. Phương đã khuyên Huy điều gì?

A. Giấu chuyện đi
B. Đổ lỗi cho người khác
C. Bỏ cây hoa đi
D. Nói thật với cô giáo

Câu 4. Cô Lan phản ứng thế nào khi Huy nhận lỗi?

A. Phạt cậu nghỉ học
B. Lắng nghe, nhắc cẩn thận và hướng dẫn sửa lỗi
C. Không cho cả lớp dự ngày hội
D. Bắt Phương nhận lỗi thay

Câu 5. Bài đọc ca ngợi phẩm chất nào?

A. Trung thực và biết chịu trách nhiệm
B. Chỉ cần làm việc nhanh
C. Không cần nghe lời bạn
D. Luôn sợ hãi trước lỗi lầm

Câu 6. Đánh dấu Đ (đúng) hoặc S (sai):

Nhận định	Đ/S
a) Huy được giao chuyển chậu hoa ra trước cửa lớp.	.....
b) Huy làm vỡ chậu hoa vì có người cố ý xô vào.	.....
c) Phương giúp Huy dọn dẹp và khuyên nói thật.	.....
d) Cô Lan không cho Huy sửa lỗi.	.....

Câu 7. Nối nhân vật với hành động phù hợp:

Cột A	Cột B (nội dung được xếp không theo thứ tự)
1. Huy →	A. Khuyên bạn nói thật và cùng dọn dẹp
2. Phương →	B. Nhận lỗi và quét sạch nền
3. Cô Lan →	C. Hướng dẫn chuyển cây sang chậu khác

Câu 8. Huy cảm thấy thế nào sau khi nói thật và sửa lỗi?

.....

.....

Câu 9. Nếu em là Huy, em sẽ làm gì khi vô ý làm vỡ chậu hoa?

.....

.....

B. LUYỆN TỪ VÀ CÂU (Câu 10–16)

Câu 10. Đại từ "cậu" trong câu "Cậu tự tay quét sạch nền" thay cho ai?

A. Phương
B. Cô Lan
C. Huy
D. Người trông trường

Câu 11. Từ trái nghĩa với "trung thực" là từ nào?

A. Thật thà
B. Gian dối
C. Ngay thẳng
D. Thành thật

Câu 12. Tìm hai động từ trong câu: "Huy cầm chổi quét những mảnh vỡ rồi vun đất quanh gốc cây."

.....

Câu 13. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu: "Chiếc chậu cũ đứng ngay ngắn bên kệ truyện."

.....

Câu 14. Trong câu "Huy thấy lòng mình nhẹ đi", từ "nhẹ" được dùng theo nghĩa nào?

A. Chỉ trọng lượng ít
B. Chỉ âm thanh nhỏ
C. Chỉ một vật rất mỏng
D. Chỉ cảm giác bớt lo lắng

Câu 15. Đặt câu với cặp từ đồng nghĩa "thật thà – trung thực" (có thể dùng một trong hai từ).

.....

.....

Câu 16. Viết một câu có đại từ xưng hô dùng để cảm ơn người đã giúp mình.

.....

ĐỀ 06	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

KHOẢNG SÂN CHUNG

Giữa hai dãy nhà trong khu phố của Mai có một khoảng sân nhỏ. Trước đây, sân có nhiều lá khô, vài chiếc ghế hỏng và những chậu cây bỏ không. Mỗi khi đi ngang qua, Mai đều ước nơi ấy trở thành góc xanh để trẻ em đọc sách và người lớn nghỉ chân.

Một chiều cuối tuần, bác Tư ở tầng một đề nghị mọi nhà cùng dọn sân. Bố Mai sửa lại hai chiếc ghế, còn các anh chị lớn gom lá khô, phân loại rác và mang tới nơi tập kết. Mai và nhóm bạn rửa những chiếc chậu cũ. Các em trồng vào đó hoa mười giờ, cúc

vàng và một cây hương thảo thơm dịu. Bác Tư dặn: "Chúng ta cùng chăm thì cây mới xanh lâu".

Sáng hôm sau, trời nắng. Mai mang bình tưới ra sân nhưng thấy đất trong chậu vẫn ẩm. Em nhớ lời bác Tư: tưới cây vừa đủ, không để nước đọng. Mai chỉ nhặt vài chiếc lá úa và đặt lại tấm bảng nhỏ có dòng chữ "Xin giữ sân sạch đẹp". Khi một em bé vô ý làm đổ vỏ hộp sữa, Mai nhẹ nhàng chỉ cho em chiếc thùng rác gần đó. Em bé lễ phép cảm ơn.

Một tháng sau, hoa nở rực rỡ. Chiều chiều, người lớn ngồi trò chuyện trên ghế, còn bọn trẻ đọc sách dưới bóng cây. Khoảng sân không chỉ xanh hơn mà tình hàng xóm cũng gần gũi hơn. Mai hiểu rằng chăm chút nơi ở là cách mỗi người thể hiện tình yêu với cộng đồng.

A. ĐỌC HIỂU (Câu 1–9)

Câu 1. Trước khi được dọn dẹp, khoảng sân có đặc điểm gì?

A. Có nhiều lá khô, ghế hỏng và chậu cây bỏ không
B. Có một thư viện lớn
C. Có sân bóng mới
D. Đầy hoa đang nở

Câu 2. Ai đề nghị mọi nhà cùng dọn sân?

A. Cô giáo Mai
B. Một em bé
C. Bác Tư
D. Người giao hàng

Câu 3. Mai và nhóm bạn đảm nhận việc gì?

A. Sơn lại cả dãy nhà
B. Rửa chậu cũ và trồng hoa, cây thơm
C. Chặt hết cây trên sân
D. Mua ghế mới

Câu 4. Vì sao sáng hôm sau Mai không tưới thêm nhiều nước?

A. Vì bình tưới bị hỏng
B. Vì trời đang mưa to
C. Vì Mai quên nhiệm vụ
D. Vì đất trong chậu vẫn ẩm

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của câu chuyện là gì?

A. Chăm sóc nơi sống góp phần gắn kết cộng đồng
B. Chỉ người lớn được chăm sóc cây
C. Muốn có hoa phải mua thật nhiều chậu
D. Sân chung không cần giữ vệ sinh

Câu 6. Đánh dấu Đ (đúng) hoặc S (sai):

Nhận định	Đ/S
a) Bố Mai sửa lại hai chiếc ghế.	.....
b) Mai đổ thật nhiều nước khi thấy đất còn ẩm.	.....
c) Mai nhắc em nhỏ bỏ rác đúng nơi.	.....
d) Sau một tháng, khoảng sân vẫn đầy rác và ghế hỏng.	.....

Câu 7. Nối người với việc làm phù hợp:

Cột A	Cột B (nội dung được xếp không theo thứ tự)
1. Bố Mai →	A. Gom lá và phân loại rác
2. Các anh chị lớn →	B. Sửa hai chiếc ghế
3. Mai và nhóm bạn →	C. Rửa chậu cũ, trồng cây

Câu 8. Sự thay đổi nào của khoảng sân khiến Mai vui?

.....

.....

Câu 9. Em có thể làm gì để giữ lớp học hoặc nơi ở sạch đẹp?

.....

.....

B. LUYỆN TỪ VÀ CÂU (Câu 10–16)

Câu 10. Đại từ xưng hô trong lời nói "Chúng ta cùng chăm thì cây mới xanh lâu" là từ nào?

A. cùng
B. cây
C. xanh
D. chúng ta

Câu 11. Từ nào gần nghĩa nhất với "gắn kết"?

A. Chia rẽ
B. Kết nối
C. Xa cách
D. Tách biệt

Câu 12. Trong câu "Tình hàng xóm cũng gần gũi hơn", từ "gần gũi" diễn tả khoảng cách hay tình cảm?

.....

Câu 13. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu: "Những bông hoa mười giờ nở rực rỡ trước hiên nhà."

.....

Câu 14. Tìm trạng ngữ chỉ thời gian trong câu: "Một tháng sau, hoa nở rực rỡ."

.....

Câu 15. Đặt một câu với từ "cộng đồng" nói về việc làm có ích.

.....

.....

Câu 16. Viết lại câu sau bằng cách thay từ "Mai" ở lần thứ hai bằng đại từ phù hợp: "Mai nhìn thấy một em bé. Mai nhẹ nhàng chỉ thùng rác cho em."

.....

.....

ĐỀ 07	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

HOA TẶNG MẸ

Một người đàn ông dừng xe trước cửa hàng hoa để mua hoa gửi tặng mẹ qua dịch vụ bưu điện. Mẹ anh sống cách chỗ anh khoảng hơn trăm ki-lô-mét. Vừa bước ra khỏi ô tô, anh thấy một cô bé đầm đìa nước mắt đang lặng lẽ khóc bên vỉa hè. Anh đến gần hỏi cô bé vì sao cô khóc. Cô bé nức nở:

- Cháu muốn mua tặng mẹ cháu một bông hồng. Nhưng cháu chỉ có 75 xu mà giá một bông hồng những hai đô la.

Người đàn ông mỉm cười:

- Đừng khóc nữa! Chú sẽ mua cho cháu một bông.

Người đàn ông cẩn thận chọn mua một bông hồng cho cô bé và đặt một bó hồng gửi tặng mẹ qua dịch vụ. Xong anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không. Cô bé cảm ơn, rồi chỉ đường cho anh lái xe đến một nghĩa trang, nơi có một ngôi mộ mới đắp. Cô bé chỉ ngôi mộ và nói:

- Đây là nhà của mẹ cháu.

Nói xong, cô bé nhẹ nhàng đặt bông hồng lên mộ mẹ. Ngay sau đó, người đàn ông vội vã quay lại cửa hàng hoa. Anh huỷ bỏ dịch vụ gửi hoa và mua một bó hồng thật đẹp. Anh lái xe một mạch về nhà mẹ để trao tận tay bà bó hoa.

(Theo truyện đọc 5, NXB GD - 2006)

Câu 1. Câu chuyện kể về cuộc trò chuyện giữa những nhân vật nào?

A. Người đàn ông, cô bé

B. Người đàn ông, mẹ của ông ta, cô bé

C. Người đàn ông, cô bé và mẹ của cô

D. Người đàn ông, mẹ của ông ta, cô bé, mẹ của cô

Câu 2. Cô bé muốn mua gì để tặng mẹ?

A. Một bông hồng

B. Một bông cúc

C. Vòng ngọc trai

D. Một chiếc váy

Câu 3. Lí do nào khiến cô bé lại khóc?

Câu	Đúng / Sai
a) Cô bé không có bạn chơi cùng	
b) Cô bé không đủ tiền mua hoa tặng mẹ	
c) Cô bé bị lạc bố mẹ khi đi chơi.	
d) Mẹ cô bé đã mất nên cô bé muốn mang hoa đến mộ mẹ	

Câu 4. Người đàn ông đã làm gì khi thấy cô bé khóc?

A. Mua cho cô một bông hồng để cô tặng mẹ

B. Chở cô bé đến chỗ cô sẽ tặng hoa cho mẹ

C. Đưa cô bé đi chơi và mua tặng nhiều quà cho cô bé.

D. Mua cho cô một bông hồng để cô tặng mẹ và chở cô bé đến chỗ cô sẽ tặng hoa cho mẹ

Câu 5. Khi thấy cô bé đặt bông hồng lên mộ mẹ, người đàn ông đã làm gì?

.....

.....

Câu 6. Em yêu thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao?

.....

.....

.....

Câu 7. Đại từ xưng hô trong câu: "Đây là nhà của mẹ cháu." là

A. đây B. của C. mẹ D. cháu

Câu 8. Thành ngữ nào dưới đây không chứa cặp từ đồng nghĩa?

A. Chân yếu tay mềm

B. Một nắng hai sương

C. Ngăn sông cấm chợ

D. Thay hình đổi dạng

Câu 9. Câu văn nào sau đây dùng từ "chân" với nghĩa gốc?

A. Nhà em ở gần chân núi.

B. Người bán bánh giò có chiếc chân gỗ.

C. Trời cứ trở rét là ông em lại đau chân.

D. Ông Nam sống rất chân thật với mọi người.

Câu 10. Tìm bốn từ đồng nghĩa với từ "tặng":

.....

.....

Câu 11. Đặt một câu nói về ngôi trường của em, trong đó có sử dụng đại từ xưng hô.

.....

.....

Câu 12. Từ nào đồng nghĩa với từ "đưa" trong câu: "Cô đưa cho tôi một cặp kính"

A. Trao B. Để C. Bán D. Cất

Câu 13. Gạch chân đại từ trong câu sau:

Một cô giáo đã giúp tôi hiểu rõ ý nghĩa phức tạp của việc cho và nhận.

Câu 14. Câu tục ngữ "Một kho vàng không bằng một nang chữ." thể hiện truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc ta?

A. Yêu nước B. Hiếu học C. Nhân ái D. Đoàn kết

Câu 15. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ và vị ngữ của câu sau:

Một ngày nào đó, em sẽ mua kính cho một cô bé khác.

.....

Câu 16. Đặt câu với từ "chân" mang nghĩa chuyển:

.....

.....

ĐỀ 08	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

Đất Cà Mau

Cà Mau là đất mưa dông. Vào tháng ba, tháng tư, sớm nắng chiều mưa. Đang nắng đó, mưa đổ ngay xuống đó. Mưa hối hả, không kịp chạy vào nhà. Mưa rất phũ, một hồi rồi tạnh hẳn. Trong mưa thường nổi cơn dông.

Cà Mau đất xốp. Mùa nắng, đất nẻ chân chim, nền nhà cũng rạn nứt. Trên cái đất phập phều và lắm gió, dông như thế, cây đứng lẻ khó mà chống nổi với những cơn thịnh nộ của trời. Cây bình bát, cây bần cũng phải quây quần thành chòm, thành rặng; rễ phải dài, phải cắm sâu vào trong lòng đất. Nhiều nhất là đước. Đước mọc san sát đến tận mũi đất cuối cùng, thẳng đuột như hằng hà sa số cây dù xanh cắm trên bãi. Nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh, dưới những hàng đước xanh rì. Nhà nọ sang nhà kia phải leo trên cầu bằng thân cây đước...

Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông "sấu cản mũi thuyền", trên cạn "hổ rình xem hát" này, con người phải thông minh và giàu nghị lực. Họ thích kể, thích nghe những huyền thoại về người vật hổ, bắt cá sấu, bắt rắn hổ mây. Tinh thần thượng võ của cha ông được nung đúc và lưu truyền để khai phá gìn giữ mũi đất tận cùng này của Tổ quốc.

Theo Mai Văn Tạo

Câu 1. Mưa ở Cà Mau có gì khác thường? Đúng ghi Đ, sai ghi S

a. Mưa ở Cà Mau đến rồi đi bất ngờ, đang nắng đó, mưa đổ ngay xuống đó. .....

b. Sớm nắng, chiều mưa dầm dề, dai dẳng. .....

c. Mưa hối hả, không kịp chạy vào nhà. Mưa rất phũ, một hồi rồi tạnh hẳn. .....

d. Trong mưa thường nổi cơn dông. .....

e. Mưa lâm thâm chỉ đủ ướt lá cây. .....

Câu 2. Cà Mau mưa nhiều vào thời gian nào?

A. Tháng hai, tháng ba.

B. Tháng ba, tháng tư.

C. Tháng tư, tháng năm.

D. Tháng sáu, tháng bảy.

Câu 3. Loài cây mọc nhiều nhất ở Cà Mau là:

A. Cây đước.

B. Cây bình bát.

C. Cây bần.

D. Cây sú

Câu 4. Cây cối trên đất Cà Mau mọc thành chòm, thành rặng có tác dụng gì?

A. Để hút chất dinh dưỡng từ mảnh đất nứt chân chim này

B. Để tạo nên bóng mát rộng lớn trong mùa hè oi bức

C. Để chống chọi với thời tiết khắc nghiệt

D. Để làm cho đất đai thêm màu mỡ, trù phú

Câu 5. Nối mỗi đoạn văn ở cột A với ý chính phù hợp ở cột B (ghi theo mẫu: Đoạn 1 – ...).

Đoạn văn (A)	Ý chính (B)
Đoạn 1	a) Con người Cà Mau và những phẩm chất đáng quý
Đoạn 2	b) Những cơn mưa ở Cà Mau
Đoạn 3	c) Đất, cây cối và nhà cửa ở Cà Mau

Câu 6. Theo em, điều gì đã làm hình thành nên sự thông minh, nghị lực, tinh thần thượng võ... trong tính cách của người dân Cà Mau?

.....

.....

.....

Câu 7. a) Em hãy cho biết tinh thần nào của cha ông ta được nhắc tới trong bài đọc? (0,5 đ)

.....

.....

b) Hãy nêu nội dung chính của bài? (Mức 2) – Hiểu văn bản (0,5 điểm)

.....

.....

.....

c) Hãy nêu cảm nhận của em về con người Cà Mau? (Mức 3) – Hiểu văn bản (0,5 điểm)

.....

.....

.....

Câu 8. Từ "Xanh rì" thuộc từ loại nào?

a. Danh từ b. Động từ c. Tính từ d. Đại từ

Câu 9. Trong câu: "Nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh, dưới những hàng đước xanh rì." Chủ ngữ trong câu trên là?

A. Nhà B. Nhà cửa

C. Nhà cửa dựng dọc. D. Nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh.

Câu 10. Trong hai câu văn dưới đây, có bao nhiêu đại từ dùng để thay thế cho từ ngữ "con người"? "Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông 'sấu cản mũi thuyền', trên cạn 'hổ rình xem hát' này, con người phải thông minh và giàu nghị lực. Họ thích kể, thích nghe những huyền thoại về người vật hổ, bắt cá sấu, bắt rắn hổ mây."

A. Một đại từ.

B. Hai đại từ.

C. Ba đại từ.

D. Bốn đại từ.

Câu 11. Tìm 4 từ đồng nghĩa với từ "bao la". Đặt một câu chứa cặp từ đồng nghĩa em vừa tìm được

.....

.....

Câu 12. Đặt 2 câu với từ "lạnh"; 1 câu từ "lạnh" có nghĩa gốc; 1 câu từ "lạnh" mang nghĩa chuyển:

.....

.....

Câu 13. Gạch chân dưới các động từ trong câu văn dưới đây

Họ thích kể, thích nghe những huyền thoại về người vật hổ, bắt cá sấu, bắt rắn hổ mây.

Câu 14. Từ mắt nào trong các từ dưới đây được dùng với nghĩa gốc?

A. Mắt xích. B. Mắt na. C. Mắt lưới. D. Đôi mắt.

Câu 15. Trong câu nào dưới đây, từ "chín" là số từ chỉ số lượng (số 9)?

A. Lúa ngoài đồng đã chín vàng. B. Nghĩ cho chín rồi hãy nói.

C. Tổ em có chín học sinh. D. Thịt luộc chưa chín.

ĐỀ 09	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 5

Cô Chấm

Chấm không phải là một cô gái đẹp, nhưng là người mà ai đã gặp thì không thể lẫn lộn với bất cứ một người nào khác.

Đôi mắt Chấm đã định nhìn ai thì dám nhìn thẳng, dù người ấy nhìn lại mình, dù người ấy là con trai. Nghĩ thế nào, Chấm dám nói thế. Bình điểm ở tổ, ai làm hơn, làm kém, người khác đắn đo, quanh quanh mãi chưa dám nói ra, Chấm nói ngay cho mà xem, nói thẳng băng và còn nói đáng mấy điểm nữa. Đối với mình cũng vậy, Chấm có hôm dám nhận hơn người khác bốn năm điểm. Được cái thẳng như thế nhưng không ai giận, vì người ta biết trong bụng Chấm không có gì độc địa bao giờ.

Chấm cứ như một cây xương rồng. Cây xương rồng chặt ngang chặt dọc, chỉ cần cắm nó xuống đất, đất cằn cũng được, nó sẽ sống và sẽ lớn lên. Chấm thì cần cơm và lao động để sống. Chấm ăn rất khoẻ, không có thức ăn cũng được. Những bữa Chấm về muộn, bà Am thương con làm nhiều, để dư phần thức ăn, Chấm cũng chỉ ăn như thường, còn bao nhiêu để cuối bữa ăn và. Chấm hay làm thực sự, đó là một nhu cầu của sự sống, không làm chân tay nó bứt rứt làm sao ấy. Tết Nguyên đán, Chấm ra đồng từ sớm mồng hai, dẫu có bắt ở nhà cũng không được.

Chấm không đua đòi may mặc. Mùa hè một áo cánh nâu. Mùa đông rét mấy cũng chỉ hai áo cánh nâu. Chấm mộc mạc như hòn đất. Hòn đất ấy bầu bạn với nắng với mưa để cho cây lúa mọc lên hết vụ này qua vụ khác, hết năm này qua năm khác.

Nhưng cô con gái có bề ngoài rắn rỏi là thế lại là người hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương. Có bữa đi xem phim, những cảnh ngộ trong phim làm Chấm khóc gần suốt buổi. Đêm ấy ngủ, trong giấc mơ, Chấm lại khóc mất bao nhiêu nước mắt.

Theo ĐÀO VŨ

Câu 1. Bài văn nói về:

A. Cô Chấm. B. Bà Am C. Cây xương rồng. D. Hòn đất

Câu 2. Tác giả chọn tả những nét ngoại hình nào của cô Chấm?

A. Đôi mắt, dáng dấp.
B. Đôi mắt, cách ăn mặc.
C. Cách ăn mặc, dáng dấp.
D. Đôi mắt, gương mặt, cách ăn mặc.

Câu 3. Nhóm từ ngữ nào nói đúng và đầy đủ nhất về tính cách của cô Chấm?

A. Trung thực, thẳng thắn, thật thà, hiền lành.
B. Giản dị, dễ thương, giàu tình cảm.
C. Cần cù, chăm chỉ, giản dị, dũng cảm.
D. Trung thực, thẳng thắn, chăm chỉ, giản dị, giàu tình cảm.

Câu 4. Hãy tìm và ghi lại những chi tiết miêu tả cách ăn mặc của Chấm?

.....

.....

Câu 5. Những câu văn nào trong bài có hình ảnh so sánh để miêu tả tính cách của Chấm? Đúng ghi Đ, sai ghi S

a. Chấm không phải là một cô gái đẹp, nhưng là người mà ai đã gặp thì không thể lẫn lộn với bất cứ một người nào khác. .....

b. Đối với mình cũng vậy, Chấm có hôm dám nhận hơn người khác bốn năm điểm. .....

c. Chấm cứ như một cây xương rồng. .....

d. Chấm mộc mạc như hòn đất. .....

Câu 6. Vì sao Chấm không đẹp nhưng ai đã gặp cũng khó lẫn Chấm với người khác?

A. Vì Chấm ăn mặc sang trọng, nổi bật.

B. Vì Chấm sống thẳng thắn, chăm chỉ, giản dị và có nét riêng.

C. Vì Chấm nói rất ít và tránh gặp mọi người.

D. Vì Chấm giỏi ca hát và múa.

Câu 7. Nêu nội dung của bài đọc

.....

.....

.....

Câu 8. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật cô Chấm?

.....

.....

.....

Câu 9. Trong câu: "Chấm hay làm thực sự, đó là một nhu cầu của sự sống.", có đại từ ..... dùng để thay thế cho cụm
từ .....

Câu 10. Từ: "Kỉ niệm" trong câu: "Những kỉ niệm thời thơ ấu tôi không bao giờ quên" là:

A. Danh từ B. Động từ C. Tính từ D. Đại từ

Câu 11. Tìm 2 từ đồng nghĩa với từ "mộc mạc". Đặt câu với từ vừa tìm được (M2-1đ)

- Từ đồng
nghĩa: .....
- Đặt câu với một trong các từ vừa tìm được:

.....

.....

Câu 12. Từ "chín" trong câu nào sau đây được dùng với nghĩa gốc (thức ăn đã đạt độ chín)?

A. Gò má chín như quả bồ quân

B. Thức ăn phải được nấu chín

C. Suy nghĩ cho chín rồi hãy nói

D. Một điều nhịn chín điều lành

Câu 13. Đặt câu có từ chạy với nghĩa là sự chuyển động của động cơ máy móc.

.....

.....

Câu 14. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ và vị ngữ trong câu sau:

Tết Nguyên đán, Chấm ra đồng từ sớm mồng hai.

.....

.....

Câu 15. Đặt một câu có đại từ xưng hô "em" và gạch chân dưới từ "em" trong câu vừa đặt.

.....

.....

Câu 16. Trong câu nào sau đây, từ "bà" được dùng làm đại từ xưng hô trực tiếp?

A. Bà của Nga năm nay 75 tuổi.

B. Lâu lắm rồi tôi mới có dịp về quê thăm bà tôi.

C. Bà ơi, bà có khoẻ không?

D. Giọng bà tôi dịu dàng và trầm bổng.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI THAM KHẢO

ĐỀ 01

A. BẢNG ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	B	D	A	Đ/S	Nối	B	B	C	A

B. HƯỚNG DẪN GIẢI TỪNG CÂU

Câu 1: A. Chị Lan gọi: "Sao không lại đây, Hiên?"

Câu 2: B. Hiên đứng dựa vào cột quán.

Câu 3: C. Hiên "chỉ mặc có manh áo rách tả tơi".

Câu 4: B. Mẹ Hiên rất nghèo, sống bằng nghề mò cua bắt ốc.

Câu 5: D. Sơn thì thầm rủ chị đem chiếc áo bông cũ cho Hiên.

Câu 6: A. Sơn cảm thấy "trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui".

Câu 7. Đúng / sai và giải thích:

a) Đúng. Chị Lan vẫy và gọi Hiên đến.

b) Sai. Hiên nói "Hết áo rồi, chỉ còn cái này".

c) Đúng. Bài đọc nói trực tiếp đến công việc của mẹ Hiên.

d) Sai. Chị nói "Ừ, phải đấy" rồi đi lấy áo.

Câu 8. Nối ý:

1 – b: Thu mình lại vì lạnh

2 – c: Có vẻ mặt buồn, không vui

3 – a: Hào hứng, sốt sắng

Câu 9: B. Đại từ "nó" dùng để chỉ Hiên.

Câu 10: B. "Ấm áp" ở đây nói về cảm xúc hạnh phúc, không phải nhiệt độ.

Câu 11: C. "Hăm hở" có nghĩa là nhiệt tình, háo hức.

Câu 12: A. Sơn thương Hiên và muốn chia sẻ với bạn.

Câu 13. Tìm hai động từ trong câu: "Chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo."

Trả lời: Hai động từ: chạy, lấy.

Giải thích / chấm: Có thể nhắc học sinh động từ chỉ hoạt động.

Câu 14. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu: "Sơn đứng lặng yên đợi."

Trả lời: Chủ ngữ: Sơn. Vị ngữ: đứng lặng yên đợi.

Giải thích / chấm: Câu nói về Sơn và hành động đứng đợi.

Câu 15. Trong lời nói của Sơn, đại từ "chúng ta" chỉ những ai?

Trả lời: "Chúng ta" chỉ Sơn và chị Lan.

Giải thích / chấm: Đại từ này gộp người nói (Sơn) và người nghe (Lan).

Câu 16. Em hãy viết 3–4 câu kể một việc em có thể làm để giúp đỡ một bạn gặp khó khăn.

Trả lời: Bài tham khảo: Em có một bạn trong lớp bị thiếu đồ dùng học tập. Em tặng bạn những quyển vở còn mới và giúp bạn chuẩn bị bài. Em rất vui vì đã làm được một việc tốt. Em mong chúng em luôn biết quan tâm, chia sẻ với nhau.

Giải thích / chấm: Chấp nhận câu trả lời hợp lí, rõ ý, đủ số câu và phù hợp lứa tuổi.

ĐỀ 02

A. BẢNG ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	D	B	C	Đ/S	Nối	C	B	D	A

B. HƯỚNG DẪN GIẢI TỪNG CÂU

Câu 1: B. Cuối bức thư ghi tên Hồ Chí Minh.

Câu 2: C. Bài đọc mở đầu bằng thông tin về ngày khai giảng đầu tiên.

Câu 3: A. Các em vui vì "lại được gặp thầy gặp bạn".

Câu 4: D. Bức thư nêu rõ "một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam".

Câu 5: B. Lời dặn rõ: cố gắng, siêng năng học tập, nghe thầy, yêu bạn.

Câu 6: C. Tác giả nhấn mạnh vai trò của công học tập đối với đất nước.

Câu 7. Đúng / sai và giải thích:

a) Đúng. Trong thư có cụm "nhộn nhịp tưng bừng".

b) Sai. Người viết nhắc rõ "nghe thầy, yêu bạn".

c) Đúng. Bức thư nói nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều.

d) Đúng. Đó là lời chúc kết thư.

Câu 8. Nối ý:

1 – c: Không khí vui vẻ, rộn ràng

2 – a: Chăm chỉ, chịu khó

3 – b: Sự nghiệp, nền tảng lớn của đất nước

Câu 9: C. "Tôi" là cách người viết tự xưng.

Câu 10: B. "Siêng năng" trái nghĩa với "lười biếng".

Câu 11: D. "Tươi đẹp" chỉ đặc điểm, tính chất.

Câu 12: A. "Học tập" chỉ hoạt động.

Câu 13. Chép lại hai động từ chỉ hoạt động học tập, cư xử trong lời dặn: "cố gắng, siêng năng học tập, nghe thầy, yêu bạn".

Trả lời: Có thể chọn: học tập, nghe, yêu.

Giải thích / chấm: Chấp nhận hai trong ba từ "học tập", "nghe", "yêu".

Câu 14. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu: "Các em lại được gặp thầy gặp bạn."

Trả lời: Chủ ngữ: Các em. Vị ngữ: lại được gặp thầy gặp bạn.

Giải thích / chấm: Câu nói về những điều học sinh được làm.

Câu 15. Từ "non sông" trong bức thư có thể thay bằng từ nào gần nghĩa?

Trả lời: Có thể thay bằng: đất nước, Tổ quốc.

Giải thích / chấm: Cả hai từ đều phù hợp trong ngữ cảnh.

Câu 16. Viết 3–4 câu nêu những việc em sẽ làm để thực hiện lời căn dặn trong bức thư.

Trả lời: Bài tham khảo: Em sẽ đi học đúng giờ và chuẩn bị bài đầy đủ. Trong lớp, em chăm chú nghe thầy cô giảng bài. Em sẵn sàng giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn. Em sẽ cố gắng học tập để trở thành người có ích.

Giải thích / chấm: Chấp nhận các việc làm thiết thực, tích cực; diễn đạt đúng và đủ 3–4 câu.

ĐỀ 03

1. Bảng đáp án

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	9	Xem lời giải
2	A	10	C
3	C	11	A
4	B	12	Xem lời giải
5	D	13	Xem lời giải
6	a. Đ; b. S; c. Đ; d. S	14	Xem lời giải
7	1–B; 2–C; 3–A	15	Xem lời giải
8	Xem lời giải	16	Xem lời giải

2. Lời giải và giải thích từng câu

Câu 1. Đáp án B. Giải thích: Đoạn 1 nói rõ Vy nhìn thấy thùng sách ở hành lang lớp học.

Câu 2. Đáp án A. Giải thích: Nước mưa tạt vào thùng giấy để ở hành lang.

Câu 3. Đáp án C. Giải thích: Vy và Minh dùng khăn mềm thấm nước, tách trang và xếp sách cho thoáng.

Câu 4. Đáp án B. Giải thích: Cô Hạnh gợi ý làm góc đọc sách và cả lớp đã thực hiện.

Câu 5. Đáp án D. Giải thích: Hành động giữ gìn sách dẫn đến góc đọc chung và niềm vui cho nhiều bạn.

Câu 6. a) Đ; b) S; c) Đ; d) S. Giải thích: a) Đoạn 1 xác nhận sách do các bạn góp lại. b) Đoạn 2 cho biết Minh đã chạy đến giúp. c) Vy sợ nắng gắt làm giấy cong thêm. d) Cả lớp tận dụng chiếc kệ gỗ cũ.

Câu 7. 1–B; 2–C; 3–A. Giải thích: Ba đoạn lần lượt kể việc phát hiện sách ướt, cứu sách và xây dựng góc đọc.

Câu 8. Gợi ý trả lời: Vì Vy sợ nắng gắt làm những trang giấy bị cong thêm. Giải thích: Chi tiết có ngay ở đoạn 2.

Câu 9. Gợi ý trả lời: Em học được cách biết giữ gìn của chung, chủ động giúp đỡ mọi người và chia sẻ sách với các bạn. Giải thích: Có thể diễn đạt khác nhưng cần nêu được bài học phù hợp.

Câu 10. Đáp án C. Giải thích: "Chúng em" dùng để xưng hô, thay cho người nói và các bạn cùng nhóm.

Câu 11. Đáp án A. Giải thích: "Bảo quản" là chăm lo để đồ vật không bị hư hại.

Câu 12. Gợi ý trả lời: Nghĩa chuyển. "Nảy mầm" chỉ sự hình thành, phát triển của lòng tốt, không phải hạt giống mọc mầm thật. Giải thích: Nghĩa gốc thường nói về hạt, cây; ở đây nói về phẩm chất con người.

Câu 13. Gợi ý trả lời: Chủ ngữ: Hai bạn. Vị ngữ: nhẹ nhàng xếp những cuốn sách lên bàn. Giải thích: Chủ ngữ trả lời Ai?; vị ngữ trả lời Làm gì?

Câu 14. Gợi ý trả lời: Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Vì trời mưa. Giải thích: Cụm từ này giải thích vì sao Vy phải chuyển thùng sách.

Câu 15. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Chúng tôi cùng nhau đọc truyện vào giờ ra chơi. Giải thích: Chấp nhận mọi câu đúng ngữ pháp, đúng nghĩa.

Câu 16. Gợi ý trả lời: Vy tìm một chiếc khăn. Bạn ấy cùng Minh lau sách. Giải thích: Có thể thay "Vy" ở câu thứ hai bằng "bạn ấy" hoặc một cách diễn đạt phù hợp.

3. Lưu ý khi chấm câu tự luận

Chấp nhận cách diễn đạt khác đáp án mẫu nếu học sinh hiểu đúng bài đọc, dùng từ phù hợp và diễn đạt rõ ràng. Câu đặt câu cần đúng ngữ pháp; câu hỏi cảm nhận không áp đặt một cách trả lời duy nhất.

ĐỀ 04

1. Bảng đáp án

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	9	Xem lời giải
2	A	10	B
3	C	11	A
4	D	12	C
5	A	13	Xem lời giải
6	a. Đ; b. Đ; c. S; d. S	14	Xem lời giải
7	1–B; 2–C; 3–A	15	Xem lời giải
8	Xem lời giải	16	Xem lời giải

2. Lời giải và giải thích từng câu

Câu 1. Đáp án B. Giải thích: An theo mẹ ra cánh đồng muối từ sớm.

Câu 2. Đáp án A. Giải thích: Đoạn 1 nêu muối hiện rõ khi nước biển bốc hơi.

Câu 3. Đáp án C. Giải thích: An mang rổ và nhặt lá khô trên ruộng muối.

Câu 4. Đáp án D. Giải thích: Mọi người nhanh chóng gom muối và kéo bạt để tránh mưa.

Câu 5. Đáp án A. Giải thích: Mẹ chăm chỉ làm việc, mọi người phối hợp bảo vệ muối khi mưa đến.

Câu 6. a) Đ; b) Đ; c) S; d) S. Giải thích: a) Cánh đồng muối có gió biển và nước biển. b) Mẹ dùng cào gỗ gom muối. c) An mang rổ, nhặt lá và mang dây buộc. d) Họ gom muối, dùng bạt che trước khi mưa lớn.

Câu 7. 1–B; 2–C; 3–A. Giải thích: Thứ tự: cảnh buổi sớm, công việc của mẹ con An, và cơn mưa bất ngờ.

Câu 8. Gợi ý trả lời: Vì mỗi hạt muối là thành quả của nắng, biển và công sức lao động bền bỉ của nhiều người. Giải thích: Có thể diễn đạt theo cách của học sinh.

Câu 9. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Em không làm rơi vãi thức ăn, biết tiết kiệm, nói lời cảm ơn và giúp đỡ những việc vừa sức. Giải thích: Chấp nhận câu trả lời hợp lí, phù hợp lứa tuổi.

Câu 10. Đáp án B. Giải thích: "Họ" thay cho những người làm muối được nhắc trong bài.

Câu 11. Đáp án A. Giải thích: "Lấp lánh" chỉ đặc điểm ánh sáng của cánh đồng muối.

Câu 12. Đáp án C. Giải thích: "Lười biếng" trái nghĩa với "cần cù".

Câu 13. Gợi ý trả lời: Nghĩa chuyển. "Ngọt" diễn tả tình cảm tốt đẹp, ấm áp giữa con người; không phải vị ngọt của thức ăn. Giải thích: Đối chiếu với "muối thì mặn" ở cùng câu.

Câu 14. Gợi ý trả lời: Chủ ngữ: Những người làm muối. Vị ngữ: vội kéo bạt che các đống muối. Giải thích: Câu nói về hoạt động của những người làm muối.

Câu 15. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Những giọt sương lấp lánh trên lá cỏ lúc bình minh. Giải thích: Câu cần đúng ngữ pháp và thể hiện đặc điểm ánh sáng.

Câu 16. Gợi ý trả lời: An mang thêm dây buộc. Em giúp mọi người che muối. Giải thích: Dùng "em" thay cho "An" ở câu thứ hai.

3. Lưu ý khi chấm câu tự luận

Chấp nhận cách diễn đạt khác đáp án mẫu nếu học sinh hiểu đúng bài đọc, dùng từ phù hợp và diễn đạt rõ ràng. Câu đặt câu cần đúng ngữ pháp; câu hỏi cảm nhận không áp đặt một cách trả lời duy nhất.

ĐỀ 05

1. Bảng đáp án

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	9	Xem lời giải
2	A	10	C
3	D	11	B
4	B	12	Xem lời giải
5	A	13	Xem lời giải
6	a. Đ; b. S; c. Đ; d. S	14	D
7	1–B; 2–A; 3–C	15	Xem lời giải
8	Xem lời giải	16	Xem lời giải

2. Lời giải và giải thích từng câu

Câu 1. Đáp án C. Giải thích: Ngay đầu bài, lớp 5A trang trí hành lang đón ngày hội đọc sách.

Câu 2. Đáp án A. Giải thích: Huy muốn làm nhanh nên bê hai chậu một lúc và đánh rơi một chậu.

Câu 3. Đáp án D. Giải thích: Phương khuyên Huy nên nói thật với cô.

Câu 4. Đáp án B. Giải thích: Cô Lan lắng nghe, nhắc Huy và hướng dẫn cả tổ chuyển cây sang chậu khác.

Câu 5. Đáp án A. Giải thích: Huy dũng cảm nói thật và sửa lỗi mình gây ra.

Câu 6. a) Đ; b) S; c) Đ; d) S. Giải thích: a) Huy nhận nhiệm vụ chuyển chậu hoa. b) Huy đánh rơi vì bê hai chậu cùng lúc. c) Phương giúp dọn và khuyên Huy nói thật. d) Cô hướng dẫn các bạn chuyển cây sang chậu cũ còn tốt.

Câu 7. 1–B; 2–A; 3–C. Giải thích: Từng nhân vật có hành động rõ trong đoạn 2 và 3.

Câu 8. Gợi ý trả lời: Huy cảm thấy nhẹ nhõm, thanh thản vì đã nhận lỗi và khắc phục hậu quả. Giải thích: Từ "nhẹ nhõm" xuất hiện trong đoạn 3.

Câu 9. Gợi ý trả lời: Em sẽ báo thật với cô, xin lỗi, dọn mảnh vỡ an toàn dưới sự hướng dẫn của người lớn và cùng tìm cách trồng lại cây. Giải thích: Chấp nhận hướng xử lí trung thực, có trách nhiệm và bảo đảm an toàn.

Câu 10. Đáp án C. Giải thích: "Cậu" trong ngữ cảnh cuối đoạn 3 chỉ Huy.

Câu 11. Đáp án B. Giải thích: "Gian dối" là nói hoặc làm sai sự thật.

Câu 12. Gợi ý trả lời: Hai động từ có thể tìm: quét, vun. (Cũng có thể nêu "cầm".) Giải thích: Các từ chỉ hoạt động là động từ.

Câu 13. Gợi ý trả lời: Chủ ngữ: Chiếc chậu cũ. Vị ngữ: đứng ngay ngắn bên kệ truyện. Giải thích: Xác định sự vật được nói tới và điều nói về sự vật ấy.

Câu 14. Đáp án D. Giải thích: Từ "nhẹ" được dùng theo nghĩa chuyển để diễn tả tâm trạng.

Câu 15. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Bạn Huy là một học sinh trung thực vì đã dũng cảm nhận lỗi. Giải thích: Chấp nhận câu khác đúng nghĩa, đúng ngữ pháp.

Câu 16. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Mình cảm ơn bạn đã giúp mình dọn dẹp nhé! Giải thích: Đại từ có thể là mình, bạn, em, cháu, chúng em...

ĐỀ 06

1. Bảng đáp án

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	9	Xem lời giải
2	C	10	D
3	B	11	B
4	D	12	Xem lời giải
5	A	13	Xem lời giải
6	a. Đ; b. S; c. Đ; d. S	14	Xem lời giải
7	1–B; 2–A; 3–C	15	Xem lời giải
8	Xem lời giải	16	Xem lời giải

2. Lời giải và giải thích từng câu

Câu 1. Đáp án A. Giải thích: Đoạn 1 miêu tả sân có lá khô, ghế hỏng và chậu cây bỏ không.

Câu 2. Đáp án C. Giải thích: Bác Tư ở tầng một đề nghị mọi nhà cùng dọn sân.

Câu 3. Đáp án B. Giải thích: Mai và nhóm bạn rửa chậu, trồng hoa mười giờ, cúc vàng và hương thảo.

Câu 4. Đáp án D. Giải thích: Mai nhớ lời bác Tư chỉ tưới vừa đủ, thấy đất ẩm nên không tưới thêm.

Câu 5. Đáp án A. Giải thích: Câu chuyện nhấn mạnh cùng giữ môi trường sống sạch đẹp và tình hàng xóm.

Câu 6. a) Đ; b) S; c) Đ; d) S. Giải thích: a) Bố Mai sửa lại hai chiếc ghế. b) Mai không tưới thêm nhiều nước vì đất còn ẩm. c) Mai chỉ cho em bé thùng rác. d) Một tháng sau, hoa nở rực rỡ và mọi người sinh hoạt ở sân.

Câu 7. 1–B; 2–A; 3–C. Giải thích: Đoạn 2 nêu rõ công việc của từng nhóm.

Câu 8. Gợi ý trả lời: Khoảng sân trở nên sạch đẹp, hoa nở, mọi người có chỗ nghỉ chân, trò chuyện và đọc sách. Giải thích: Có thể chọn một hoặc vài chi tiết tiêu biểu.

Câu 9. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Em nhặt rác đúng nơi, chăm cây vừa sức, giữ đồ dùng chung và nhắc bạn nhẹ nhàng khi cần. Giải thích: Chấp nhận câu trả lời phù hợp với đời sống.

Câu 10. Đáp án D. Giải thích: "Chúng ta" là đại từ xưng hô gồm người nói và người nghe.

Câu 11. Đáp án B. Giải thích: "Kết nối" diễn tả sự liên hệ, gần gũi giữa mọi người.

Câu 12. Gợi ý trả lời: Từ "gần gũi" diễn tả tình cảm thân thiết, gắn bó giữa những người hàng xóm. Giải thích: Không phải khoảng cách đo bằng mét.

Câu 13. Gợi ý trả lời: Chủ ngữ: Những bông hoa mười giờ. Vị ngữ: nở rực rỡ trước hiên nhà. Giải thích: Chủ ngữ chỉ sự vật; vị ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của sự vật.

Câu 14. Gợi ý trả lời: Trạng ngữ chỉ thời gian: Một tháng sau. Giải thích: Trả lời câu hỏi Khi nào?

Câu 15. Gợi ý trả lời: Ví dụ: Chúng em cùng nhau trồng cây để làm đẹp cộng đồng. Giải thích: Câu có thể diễn đạt khác nhưng đúng nghĩa.

Câu 16. Gợi ý trả lời: Mai nhìn thấy một em bé. Bạn ấy nhẹ nhàng chỉ thùng rác cho em. Giải thích: "Bạn ấy" dùng thay cho "Mai" ở câu thứ hai.

ĐỀ 07

ĐỀ 1 – HOA TẶNG MẸ

Phần đọc hiểu và luyện từ, câu.

Câu	Đáp án
1	A
2	A
3	a S; b Đ; c S; d Đ
4	D
7	D
8	B
9	C
12	A
14	B (Hiếu học)

Hướng dẫn giải chi tiết

Câu 1. A. Người đàn ông và cô bé. — Chỉ người đàn ông và cô bé trực tiếp trò chuyện; hai người mẹ không tham gia đối thoại.

Câu 2. A. Một bông hồng. — Cô bé nói muốn mua một bông hồng để tặng mẹ.

Câu 3. a) Sai; b) Đúng; c) Sai; d) Đúng. — Cô bé khóc vì thiếu tiền mua hoa; khi đến nghĩa trang, em đặt hoa lên ngôi mộ mẹ. Bài không nói cô bị lạc hay thiếu bạn chơi.

Câu 4. D. — Người đàn ông vừa mua hoa, vừa đưa cô bé đến nơi cô muốn tặng hoa cho mẹ.

Câu 5. Gợi ý trả lời: — Anh vội quay lại cửa hàng, hủy dịch vụ gửi hoa, mua một bó hồng đẹp rồi tự lái xe đến nhà mẹ để trao tận tay. Anh nhận ra cần dành thời gian quan tâm mẹ khi còn có thể.

Câu 6. Bài làm tham khảo: — Em thích người đàn ông vì chú tốt bụng, giúp cô bé mua hoa và chở em đến nghĩa trang. Qua việc đó, chú cũng hiểu ra giá trị của tình yêu

thương dành cho mẹ. Học sinh có thể chọn cô bé nếu lí giải được lòng hiếu thảo của em.

Câu 7. D. "cháu". — "Cháu" là đại từ xưng hô được cô bé dùng để tự xưng khi nói với người đàn ông.

Câu 8. B. Một nắng hai sương. — "Nắng" và "sương" không phải từ đồng nghĩa; những lựa chọn còn lại có những cặp từ gần nghĩa như "ngăn – cấm", "thay – đổi".

Câu 9. C. "Ông em lại đau chân." — "Chân" chỉ bộ phận cơ thể người nên mang nghĩa gốc. "Chân núi", "chân gỗ" là cách dùng mở rộng nghĩa.

Câu 10. Gợi ý: cho, biếu, trao, dâng. — Đây là các từ gần nghĩa với "tặng", nhưng cách dùng còn tùy người nhận và hoàn cảnh. "Biếu" thường dùng khi kính trọng người nhận; "dâng" biểu thị sự thành kính.

Câu 11. Câu mẫu: — "Chúng em rất yêu ngôi trường của mình." Đại từ xưng hô: "chúng em".

Câu 12. A. Trao. — "Trao cho tôi một cặp kính" phù hợp nhất với ý nghĩa đưa vật tận tay người nhận.

Câu 13. Đại từ: "tôi". — Trong câu "Một cô giáo đã giúp tôi hiểu rõ ý nghĩa phức tạp của việc cho và nhận.", "tôi" dùng để chỉ người nói.

Câu 14. B. Hiếu học. — Câu tục ngữ đề cao tri thức, coi việc học quý hơn của cải. Đây là truyền thống hiếu học, không trực tiếp nói về sự tôn kính thầy cô.

Câu 15. Trạng ngữ: "Một ngày nào đó"; chủ ngữ: "em"; vị ngữ: "sẽ mua kính cho một cô bé khác". — Trạng ngữ chỉ thời gian; chủ ngữ trả lời "Ai?"; vị ngữ cho biết "sẽ làm gì?".

Câu 16. Câu mẫu: — "Bố sửa lại chân bàn bị lung lay." "Chân bàn" là nghĩa chuyển của "chân", chỉ bộ phận đỡ phía dưới chiếc bàn.

ĐỀ 08

Phần đọc hiểu và luyện từ, câu.

Câu	Đáp án
1	a Đ; b S; c Đ; d Đ; e S
2	B
3	A
4	C
5	1–b; 2–c; 3–a
8	C
9	B
10	A
14	D
15	C

Hướng dẫn giải chi tiết

Câu 1. a) Đúng; b) Sai; c) Đúng; d) Đúng; e) Sai. — Mưa Cà Mau thường ập đến đột ngột, dữ dội, có dông và nhanh tạnh, không phải mưa lâm thâm kéo dài.

Câu 2. B. Tháng ba, tháng tư. — Ngay câu mở đầu, tác giả nói "Vào tháng ba, tháng tư, sớm nắng chiều mưa".

Câu 3. A. Cây đước. — Bài đọc viết rõ: "Nhiều nhất là đước".

Câu 4. C. Để chống chọi với thời tiết khắc nghiệt. — Cây mọc thành rặng, rễ dài cắm sâu giúp đứng vững trên đất xốp, nhiều gió dông.

Câu 5. Đoạn 1 – b; Đoạn 2 – c; Đoạn 3 – a. — Đoạn 1 nói về mưa dông; đoạn 2 tả đất, cây, nhà cửa; đoạn 3 nói về con người, tinh thần thượng võ.

Câu 6. Gợi ý trả lời: — Thiên nhiên Cà Mau khắc nghiệt, mưa dông, đất xốp, nhiều nguy hiểm khiến người dân phải rèn sự thông minh, nghị lực, lòng dũng cảm để sinh sống và khai phá, gìn giữ quê hương.

Câu 7. a) Tinh thần thượng võ. — Tinh thần ham rèn luyện sức mạnh và lòng dũng cảm của cha ông được hun đúc và lưu truyền.

b) Nội dung chính: Bài văn miêu tả thiên nhiên Cà Mau khắc nghiệt mà giàu sức sống, qua đó làm nổi bật con người Cà Mau thông minh, kiên cường, giàu nghị lực.

c) Cảm nhận mẫu: Em khâm phục người dân Cà Mau vì họ chăm chỉ, gan dạ, thông minh, biết vượt qua khó khăn và yêu quê hương.

Câu 8. C. Tính từ. — "Xanh rì" chỉ màu sắc, đặc điểm của hàng đước.

Câu 9. B. "Nhà cửa". — Đây là bộ phận trả lời cho câu hỏi "Cái gì dựng dọc theo những bờ kênh?".

Câu 10. A. Một đại từ: "Họ". — "Họ" dùng thay thế cho "con người" (những người dân Cà Mau) ở câu trước. Từ "này" đứng sau "đất" để chỉ định, không thay cho "con người".

Câu 11. Gợi ý: mênh mông, bát ngát, rộng lớn, thênh thang. — Ví dụ: "Trước mắt em là cánh đồng mênh mông, bát ngát." Các từ cùng gợi không gian rất rộng.

Câu 12. Hai câu mẫu: — Nghĩa gốc: "Sáng nay trời lạnh." Nghĩa chuyển: "Bạn ấy trả lời bằng giọng lạnh lùng." Nghĩa chuyển nói về thái độ thiếu ấm áp, thân thiện.

Câu 13. Các động từ: thích, kể, thích, nghe, vật, bắt, bắt. — "Thích" diễn tả trạng thái tâm lí; "kể, nghe, vật, bắt" chỉ hoạt động.

Câu 14. D. Đôi mắt. — "Mắt" là bộ phận cơ thể, mang nghĩa gốc; "mắt xích", "mắt na", "mắt lưới" mang nghĩa chuyển.

Câu 15. C. "Tổ em có chín học sinh." — "Chín" ở đây là số 9, khác nghĩa với "chín" chỉ trạng thái của lúa, thức ăn hay suy nghĩ kĩ.

ĐỀ 09

Phần đọc hiểu và luyện từ, câu.

Câu	Đáp án
1	A
2	B
3	D
5	a S; b S; c Đ; d Đ
6	B (đã sửa)
10	A
12	B
16	C

Hướng dẫn giải chi tiết

Câu 1. A. Cô Chấm. — Cả bài đọc khắc họa ngoại hình, tính cách và phẩm chất của Chấm.

Câu 2. B. Đôi mắt, cách ăn mặc. — Tác giả miêu tả ánh nhìn thẳng của Chấm và những chiếc áo cánh nâu giản dị.

Câu 3. D. Trung thực, thẳng thắn, chăm chỉ, giản dị, giàu tình cảm. — Đây là nhóm đặc điểm khái quát đầy đủ nhất những điều tác giả kể và miêu tả.

Câu 4. Chi tiết: — "Mùa hè một áo cánh nâu. Mùa đông rét mấy cũng chỉ hai áo cánh nâu." Chấm không đua đòi may mặc, sống giản dị.

Câu 5. a) Sai; b) Sai; c) Đúng; d) Đúng. — Hai câu cuối có phép so sánh trực tiếp với "cây xương rồng" và "hòn đất", gợi tính kiên cường và mộc mạc.

Câu 6. B. — Chấm có cá tính và phẩm chất đáng quý: thẳng thắn, chăm làm, giản dị và tình cảm, nên để lại ấn tượng riêng.

Câu 7. Nội dung chính: — Bài đọc ca ngợi cô Chấm có cá tính riêng, trung thực, thẳng thắn, cần cù, giản dị mà rất giàu tình cảm.

Câu 8. Bài làm mẫu: — Em yêu quý và khâm phục cô Chấm. Cô dám nói thật, chăm chỉ lao động, ăn mặc giản dị và giàu lòng thương người. Em muốn học theo tính trung thực và tinh thần chăm làm của cô.

Câu 9. Đại từ "đó". — "Đó" thay cho việc Chấm hay làm việc, yêu lao động thực sự; tác giả nói việc làm ấy là nhu cầu của sự sống.

Câu 10. A. Danh từ. — "Kỉ niệm" gọi tên sự việc, hình ảnh được ghi nhớ trong quá khứ, nên là danh từ.

Câu 11. Từ gần nghĩa: giản dị, chất phác. — Câu mẫu: "Cô giáo em có lối sống rất giản dị."

Câu 12. B. "Thức ăn phải được nấu chín". — "Chín" trong câu này chỉ thực phẩm đã đạt độ chín, là nghĩa gốc. "Nghĩ cho chín" mang nghĩa chuyển; "chín" ở đáp án D là số 9.

Câu 13. Câu mẫu: — "Máy bơm nước đang chạy rất êm." Ở đây "chạy" chỉ máy móc hoạt động.

Câu 14. Trạng ngữ: "Tết Nguyên đán"; chủ ngữ: "Chấm"; vị ngữ: "ra đồng từ sớm mồng hai". — Trạng ngữ nêu thời gian, chủ ngữ nêu người thực hiện, vị ngữ nêu hoạt động.

Câu 15. Câu mẫu: — "Em rất yêu quý những người lao động chăm chỉ." Đại từ xưng hô cần gạch chân là "Em".

Câu 16. C. "Bà ơi, bà có khỏe không?" — "Bà" được dùng để gọi và xưng hô trực tiếp với người đang nghe.